

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1537/CTBDU-TTHT
V/v hợp đồng dịch vụ với cá nhân
nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: CÔNG TY TNHH LON NƯỚC GIẢI KHÁT TBC-BALL
VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 2 VSIP II-A đường số 18, KCN VSIP II.A, Phường Vĩnh Tân,
Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3701842391

Cục Thuế tỉnh Bình Dương nhận được văn bản số TBCBALL-06/2023 ngày 09/01/2024 của CÔNG TY TNHH LON NƯỚC GIẢI KHÁT TBC-BALL VIỆT NAM (viết tắt "Công ty") về việc hợp đồng dịch vụ với cá nhân nước ngoài. Qua nội dung văn bản của Công ty, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020) quy định nguyên tắc khai thuế, tính thuế:

"Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.";

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (gọi tắt là thuế nhà thầu):

+ Tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định:

"Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

..."

+ Tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định:

"Điều 4. Người nộp thuế

1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 8 Mục 2 Chương II hoặc Điều 14 Mục 4 Chương II, kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam. Việc kinh doanh được tiến



hành trên cơ sở hợp đồng nhà thầu với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc với tổ chức, cá nhân nước ngoài khác đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu phụ.

Việc xác định Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành

...

2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ; mua hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); thực hiện phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) bao gồm:

..."

+ Tại Điều 5 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định:

"Điều 5. Các loại thuế áp dụng

1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là tổ chức kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là cá nhân nước ngoài kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo pháp luật về thuế TNCN.

..."

+ Tại Điều 6 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định:

"Điều 6. Đối tượng chịu thuế GTGT

1. Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), bao gồm:

..."

+ Tại Điều 12 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định:

"Điều 12. Thuế giá trị gia tăng

Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \frac{\text{Doanh thu tính thuế}}{\text{Giá trị gia tăng}} \times \text{Tỷ lệ \% để tính thuế GTGT trên doanh thu}$$

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào để thực hiện hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ.

1. Doanh thu tính thuế GTGT

a) Doanh thu tính thuế GTGT:

Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5
2	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	3
3	Hoạt động kinh doanh khác	2

...

- Căn cứ khoản 13 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

“Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

...

13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao; nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.



...”

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

- + Tại khoản 1 Điều 1 quy định về cá nhân cư trú
- + Tại khoản 2 Điều 1 quy định về cá nhân không cư trú
- + Tại Điều 17 quy định về thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú:

“Điều 17. Đối với thu nhập từ kinh doanh

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định bằng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhân (×) với thuế suất.

1. Doanh thu:

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định như doanh thu làm căn cứ tính thuế từ hoạt động kinh doanh của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 8 Thông tư này.

2. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú quy định đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh như sau:

- a) 1% đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa.
- b) 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ.
- c) 2% đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và hoạt động kinh doanh khác.

Trường hợp cá nhân không cư trú có doanh thu từ nhiều lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh khác nhau nhưng không tách riêng được doanh thu của từng lĩnh vực, ngành nghề thì thuế suất thuế thu nhập cá nhân được áp dụng theo mức thuế suất cao nhất đối với lĩnh vực, ngành nghề thực tế hoạt động trên toàn bộ doanh thu.”

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

...”.

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn nguyên tắc như sau:

Trường hợp cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận với tổ chức Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng nghĩa vụ thuế dành cho nhà thầu nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Các loại thuế áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài áp dụng theo Điều 5 Thông tư số 103/2014/TT-BTC, cụ thể:

- Thuế GTGT: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư số 103/2014/TT-BTC; trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì không chịu thuế GTGT.

- Thuế TNCN: Đối với cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 17 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

Đối với chi phí hợp lý, hợp lệ: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, Công ty có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh Bình Dương được đăng tải trên trang điện tử: <http://binhduong.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ Phòng Thanh - Kiểm tra số 4 (số điện thoại: 0274.3899678) để được hỗ trợ giải quyết.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Bình Dương trả lời Công ty biết để thực hiện. *Nguyễn Mạnh Đông*

Nơi nhận:

- Như trên;
 - LĐ Cục Thuế (Email b/c);
 - P.TTKT1...5 (web);
 - Lưu: VT; TTHT (T.Vân) (3b).
- (2401110/ZV09/0001/7401/000833681) *Nguyễn Mạnh Đông*

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Đông

